

ĐẢNG TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÔNG NHÂN VIỆT NAM TIẾN NHANH TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

GS VĂN TẠO

Giai cấp công nhân hiện đại Việt Nam ra đời vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, nay đang tích cực hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp để chuyển từ nền văn minh công nghiệp lên nền văn minh trí tuệ ở thế kỷ XXI.

Cuộc chuyển tiếp này mang đặc trưng của thời đại mới là thời đại công nghệ thông tin, còn gọi là *thời đại cách mạng thông tin*, mà giai đoạn đầu là *giai đoạn tin học hóa* (1980 - 2000). Nay đã bước sang giai đoạn *Internet hóa*.

Nếu cuộc cách mạng công nghiệp đã cho ra đời nền kinh tế công nghiệp hiện đại thì cuộc cách mạng mới này sẽ cho ra đời nền kinh tế tri thức. Đảng ta đã sớm nắm bắt được yêu cầu mới của thời đại.

Báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội X nêu rõ: *“Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức”*¹.

Thực tế, từ cuối thế kỷ XX, Đảng ta đã chú ý tạo mọi điều kiện để bước vào nền kinh tế tri thức.

Ngay những năm đầu thập kỷ 90, trong các nhiệm kỳ Đại hội VII và Đại hội VIII, tuy Việt Nam vừa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ĐCS Việt Nam đã quan tâm tới việc ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức.

Ngày 4 - 8 - 1993, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 49/CP về “Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90”. Ngày 30 - 7 - 1994, tại HNTƯ 7

(Khóa VII), Đảng đã đề ra: “Ưu tiên ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hóa và tri thức hóa nền kinh tế quốc dân”².

Đến Đại hội lần thứ VIII, tháng 6 - 1996, Đảng đưa ra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ này lên một mức độ cao hơn. Nghị quyết Đại hội nêu rõ: “Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả, hình thành mạng thông tin quốc gia, liên kết với một số mạng thông tin quốc tế”. Về “Mục tiêu xây dựng đất nước”, phần “Phát triển khoa học công nghệ”, Văn kiện Đại hội nhấn mạnh: “Nắm bắt các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, những công nghệ mới trong chế tạo máy... để có thể đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định”³.

HNTƯ 2 Khóa VIII đã cụ thể hóa hơn nhiệm vụ trên và nêu rõ: “Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Bước đầu xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh”⁴.

Ngày 5 - 6 - 2000, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị quyết số 07/2000/NQCP về “Xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005”, chỉ rõ cần nghiên cứu và thiết lập tại khu công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội) và khu công nghiệp phần mềm Quang Trung (TP. Hồ Chí Minh) công nối trực tiếp với hệ thống Internet quốc tế để doanh nghiệp phần mềm có

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI...

thể sử dụng đầy đủ và dễ dàng các dịch vụ Internet có chất lượng cao theo giá cạnh tranh với các nước trong khu vực⁵.

Thủ tướng Chính phủ cũng phê duyệt kế hoạch do Bộ khoa học, công nghệ và môi trường trình lên là: Trong kế hoạch những năm 2001 - 2005 sẽ đào tạo được 50.000 nhân lực cho công nghệ thông tin và tạo ra sản phẩm phần mềm đạt trị giá 500 triệu USD.

Đặc biệt, đến ngày 17 - 10 - 2000, Bộ chính trị đã ra Chỉ thị số 58 CT/TW về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa” với nội dung chính như sau: Đến năm 2010, công nghệ thông tin Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với một số mục tiêu cơ bản:

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

- Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ trên cả nước với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt mức trung bình thế giới.

- Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ phát triển hàng năm cao nhất so với các khu vực khác; có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng GDP của cả nước ngày càng tăng.

Để thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, Bộ chính trị chủ trương:

1. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, là phương tiện chủ lực để đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước.

2. Mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng đều phải ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển.

3. Mạng thông tin quốc gia là kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, phải tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, bảo đảm được tốc độ và chất lượng cao, giá cước rẻ.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định với việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành một ngành kinh tế quan trọng, đặc biệt là phát triển công nghệ phần mềm.

Bộ chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp:

1. Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn xã hội.

2. Tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ thông tin.

3. Đẩy mạnh việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực có ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

4. Đẩy mạnh việc xây dựng mạng thông tin quốc tế, bao gồm hệ thống viễn thông và Internet Việt Nam.

5. Tăng cường, đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin⁶.

Ngày 20 - 1 - 2000, Chính phủ ban hành Quyết định số 128 QĐ/CP về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp phần mềm.

Thực tế trong 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội IX vừa qua, công nghệ thông tin ở nước ta đã phát triển lên một bước khá quan trọng. *Chúng ta đã bước đầu đi vào nền kinh tế tri thức.*

Trong nền kinh tế này *công nhân tri thức* đang xuất hiện ngày càng đông đảo và đang là nhân tố quyết định hướng đi của lịch sử xã hội Việt Nam cũng như hướng đấu tranh cho mọi tiến bộ xã hội.

Trong quá trình phát triển này, tương ứng với tiến trình phát triển của kinh tế tri thức trên đất nước ta, *công nhân tri thức* sẽ ngày càng tăng lên cả về chất lượng và số lượng.

Cần nhận thức rõ *công nhân tri thức* (knowledge labour) ra đời trong nền kinh tế tri thức hiện nay khác với công nhân tri thức (Intellectual labour) tức trí thức trong giai cấp công nhân ra đời trong nền kinh tế công nghiệp các thế kỷ trước. Công nhân tri thức (Intellectual labour) là sản phẩm của công nghệ công nghiệp, từ cơ khí tới điện tử, nguyên tử... Còn *công nhân tri thức*

(knowledge labour) là sản phẩm chủ yếu của công nghệ thông tin có kế thừa tinh hoa của các ngành công nghệ trước nó và thâm nhập vào mọi ngành công nghệ hiện đại.

Ở Việt nam công nhân tri thức đang xuất hiện ở tất cả các ngành kinh tế công nghiệp, như các ngành bưu điện, vô tuyến viễn thông, ngân hàng, hàng không, xây dựng, giao thông vận tải, dầu khí, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, cùng các cơ quan hành chính sự nghiệp... tất cả những nơi có sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng các công nghệ cao.

Tổng số công nhân viên chức Việt Nam hiện nay là hơn 11.000.000 người, trong đó hơn 2.600.000 người lao động trong khu vực hành chính sự nghiệp. Số còn lại là công nhân sản xuất trong mọi lĩnh vực kinh tế xã hội, gồm cả gần 1.000.000 công nhân khu vực tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Phần đông công nhân ta hiện nay đã là tri thức, có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học hệ 12 năm (tương đương với tú tài cũ), tốt nghiệp đại học (tương đương với cử nhân) và một số có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Một số đã trở thành công nhân tri thức lao động trong công nghệ thông tin (bao gồm từ nhà lãnh đạo, quản lý sản xuất, xây dựng bảo dưỡng phần cứng đến những người xây dựng chương trình công nghệ thông tin quốc gia, cùng các lập trình viên phần mềm, sản xuất ra các sản phẩm công nghệ phần mềm và các nhà tổ chức kinh doanh, chăm lo cạnh tranh trong phát triển công nghệ thông tin, cùng những người ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong sản xuất, quản lý các ngành kinh tế và quản lý xã hội).

Chúng ta đang hoạt động theo hướng phát triển mạnh các thành phần kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp sử dụng những nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với những tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước ở những vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội. Đồng thời là phát triển công nghiệp và xây dựng kết

cấu hạ tầng. Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động.

Về "Xây dựng Đảng" Báo cáo chính trị cũng nêu rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam".

Như vậy đội ngũ công nhân tri thức đang là chất lượng cao của toàn bộ lực lượng lao động, trong cả giai cấp công nhân và trong cả dân tộc Việt Nam.

Hiện nay một bộ phận đáng kể trong số họ là lớp người có *thể lực, có trí, có dũng, có đức, có tài...*, đang lao động trong tất cả các lĩnh vực, nơi có sử dụng công nghệ thông tin và các công nghệ cao khác... Họ đang vươn lên với tầm cao khu vực để tiến kịp trình độ quốc tế và thời đại.

Trong xu thế hiện đại hóa, toàn cầu hóa, Chính phủ Việt Nam đang chăm lo xây dựng Chính phủ điện tử và ngành thương mại điện tử, quyết tâm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới - WTO. Công nhân tri thức nhất định phải phát triển nhanh, mạnh, xứng đáng là đội quân tiên phong trong việc phát triển nền kinh tế tri thức thực hiện tốt nhiệm vụ mà Báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội X đã đề ra.

Họ là chất lượng lao động mới của giai cấp công nhân hiện đại, của dân tộc Việt Nam trong nền văn minh trí tuệ ở thế kỷ thứ XXI mà đất nước Việt Nam ta đang tiến tới.

-
1. Báo Nhân dân ngày 19 - 4 - 2006
 2. Báo Nhân dân ngày 17 - 11 - 2000
 3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, CTQG, 1996, H, tr.80 và 105
 4. Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII, CTQG, H, 1997, tr. 66
 5. Báo Nhân dân, ngày 31 - 8 - 2000
 6. Báo Nhân dân, ngày 19 - 10 - 2000.